

Bài 15: ÂM T - TH

I. MỤC TIÊU:

- Học sinh đọc được: t, th, tổ, thờ; từ và câu ứng dụng.
- Viết được: t, th, tổ, thờ.
- Luyện nói từ 2 – 3 câu theo chủ đề: tổ, thờ.

II. CHUẨN BỊ:

- Bộ đồ dùng HVTH lớp 1.
- Tranh minh họa từ khóa: tổ, thờ.
- Tranh minh họa câu ứng dụng và phần luyện nói.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Tiết 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định 2. Kiểm tra bài cũ: - Cho lớp viết bảng con tiếng: dê, đồ. 2 học sinh lên bảng viết. - Giáo viên nhận xét, cho điểm. - Gọi 1 – 2 học sinh đọc câu ứng dụng. - Giáo viên nhận xét, cho điểm. 3. Bài mới: a. Giới thiệu bài: Hôm nay chúng ta học tiếp 2 âm nữa: âm t - th. - Giáo viên ghi bảng. b. Bài học: * Dạy âm t: - Cho học sinh đọc âm t. - Cho học sinh ghép âm t. - Nhận xét cho học sinh đọc cá nhân, lớp.	- Hát vui - Lớp viết bảng con, 2 học sinh viết bảng lớp. - Lớp nhận xét - 1 – 2 học sinh đọc - Vài học sinh nhắc lại. - Học sinh đọc: âm t. - Học sinh ghép âm t. - Học sinh đọc cá nhân, lớp.

- Chữa lỗi phát âm cho học sinh. - Để được tiếng tổ ta ghép thêm âm và dấu gì? - Nhận xét cho học sinh đọc cá nhân, lớp. - Chữa lỗi phát âm cho học sinh. - Tranh vẽ gì? - Vậy tiếng ứng dụng là: tổ. - Cho học sinh đọc: t; tờ – ô – tô – hỏi – tổ; - Chữa lỗi phát âm cho học sinh. * Dạy âm th (Quy trình tương tự). - So sánh t với th. - Cho học sinh ghép và đọc âm th. - Để được tiếng thỏ ta ghép thêm âm và dấu gì? - Chữa lỗi phát âm cho học sinh. * Hướng dẫn học sinh viết: t, tổ, th, thỏ. - Giáo viên viết mẫu hướng dẫn quy trình viết. - Cho học sinh viết bảng con - Theo dõi giúp đỡ học sinh. - Nhận xét – Tuyên dương những em viết đúng, đẹp. * Đọc tiếng ứng dụng: - Cho học sinh đọc cá nhân, lớp. Chữa lỗi phát âm cho học sinh. - Giáo viên đọc mẫu. - Cho 2 – 3 học sinh đọc.	- Để được tiếng tổ ta ghép thêm âm ô ở sau âm t và dấu hỏi trên ô. Học sinh ghép tiếng tổ. - Học sinh đọc cá nhân, lớp (tờ – ô – tô – hỏi – tổ) - Tổ chim. - Học sinh đọc cá nhân, lớp. - Giống đều có t khác th có thêm h. - Học sinh ghép và đọc âm th. - Để được tiếng thỏ ghép thêm âm o ở sau âm th và dấu hỏi trên o. Học sinh ghép và đọc. - Học sinh theo dõi. - Học sinh viết bảng con. - Học sinh đọc. - Học sinh đọc cá nhân, lớp. - 2 – 3 học sinh đọc.
---	--

Tiết 2

4. Luyện tập: a. Luyện đọc: Cho học sinh đọc lại bài ở tiết	- Học sinh đọc cá nhân, nhóm, lớp.
--	--

1 cá nhân, nhóm, lớp. - Chữa lỗi phát âm cho học sinh. * Hướng dẫn học sinh đọc câu ứng dụng: - Tranh vẽ gì? - Để hiểu rõ hơn chúng ta cùng đọc câu ứng dụng. - Cho học sinh đọc cá nhân, lớp. - Giáo viên đọc mẫu. - Cho 2 – 3 học sinh đọc. b. Luyện viết: - Giáo viên hướng dẫn viết vào vở tập viết. - Cho học sinh viết vào vở tập viết. - Theo dõi giúp đỡ học sinh. - Chấm 1/3 vở nhận xét. c. Luyện nói: - Cho học sinh quan sát tranh. + Tranh vẽ gì? + Cho học sinh đọc tên bài. + Con gì có ổ? + Con gì có tổ? + Các con vật có tổ, ổ để ở, con người có gì để ở? + Các em có nên phá ổ, tổ các con vật không? Vì sao? + Tại sao nhiều trẻ em thích những vật và con vật này? 5. Củng cố, dặn dò: - Giáo viên chỉ bảng cho học sinh đọc. - Nhận xét tiết học, tuyên dương. - Về học lại bài và xem trước bài 16.	- Vẽ bố và con thả cá xuống ao... - Học sinh đọc cá nhân, lớp. - 2 – 3 học sinh đọc. - Học sinh theo dõi. - Học sinh viết vào vở tập viết. - Quan sát tranh trả lời câu hỏi. + Gà mái đẻ trong ổ, tổ chim ở trên cây có 2 con chim con và chim mẹ... + Học sinh đọc: ổ, tổ. + Con gà, con vịt, ngang, ngỗng... + Con chim, con kiến, con ong... + Con người có nhà để ở. + Không nên phá ổ, tổ các con vật. Vì nó đem lại lợi ích cho con người. Nên phá tổ mối để chúng không phá hoại. - Học sinh đọc
---	---